TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quý Hùng

Ông Nguyễn Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2019/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị T , sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn T, thị trấn T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên – Huế. (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đoàn Minh H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 01 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Đào Thị T và ông Đoàn Minh H tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 25 tháng 4 năm 2012.

Vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H ham mê cờ bạc, sống không có trách nhiệm với gia đình; ông H còn đánh

đập bà T. Từ năm 2018 vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau. Bà T nhận thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị T và ông Đoàn Minh H có 01 con chung là Đoàn Gia H1, sinh ngày 24/7/2012, con chung đang do bà T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Đào Thị T không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đoàn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên việc lấy lời khai và hòa giải không thực hiện được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đoàn Minh H đã được triệu tập lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 09 tháng 6 năm 2019 và ngày 25 tháng 7 năm 2019, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Đào Thị T và ông Đoàn Minh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C theo Giấy chứng nhận kết số 26/2012 quyển 01/2010 ngày 25 tháng 4 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống ông H không quan tâm đến gia đình; ham mê cờ bạc, ông H còn đánh đập bà T. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018. Ông H không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T; Bà T xác định không còn tình cảm với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà T và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Đào Thị T và ông Đoàn Minh H có 01 con chung là Đoàn Gia H1, sinh ngày 24/7/2012. Xét thấy con chung đang do bà T nuôi dưỡng, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung nên giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Đào Thị T không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Bà Đào Thị T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn; ông Đoàn Thanh H phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 227; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị T được ly hôn ông Đoàn Minh H.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Đoàn Gia H1, sinh ngày 24/7/2012 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi, thời điểm cấp dưỡng là khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Quy định: Kể từ ngày bà Đào Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nếu ông Đoàn Minh H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy đinh tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Đào Thị T, ông Đoàn Minh H được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004696 ngày 15/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; ông Đoàn Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phi